



KHANG NINH
— TRAO CHỨ TÍN NHẬN CHỦ TÍN —

iek





KHANG NINH
— TRAO CHỮ TÍN NHẬN CHỮ TIN —

IEK

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Khang Ninh là đơn vị chuyên phân phối các thiết bị điện dân dụng và công nghiệp, chúng tôi cung cấp vật tư điện và giải pháp tự động hóa cho nhiều nhà máy, doanh nghiệp, các công trình trên địa bàn Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Ninh cùng các tỉnh thành lân cận.

Với phương châm "Chất lượng tạo niềm tin – Dịch vụ tạo giá trị", **Khang Ninh trở thành đại lý phân phối của thương hiệu thiết bị điện IEK** nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt cùng giải pháp kỹ thuật tối ưu, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường công nghiệp hiện đại.

IEK là thương hiệu thiết bị điện hàng đầu của Nga, được thành lập từ năm 1999 và hiện thuộc tập đoàn IEK GROUP. Với gần 30 năm phát triển, IEK cung cấp hơn 30.000 chủng loại sản phẩm phục vụ cho các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, xây dựng dân dụng, hạ tầng và tự động hóa. Hệ thống sản xuất của IEK trải rộng và hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của Nga và quốc tế.

Các sản phẩm chính của IEK – Khang Ninh cung cấp:

Trong dân dụng:

- Các hạt công tắc.
- Các hạt ổ cắm 2 chấu, 3 chấu.
- Mặt ổ cắm công tắc.
- Tủ điện âm tường.
- MCB (aptomat) dân dụng.

Trong công nghiệp:

- MCB (aptomat tép)
- MCCB (aptomat khối)
- ACB (aptomat không khí)
- RCCB (aptomat chống rò chống giật điện)
- RCBO (aptomat bảo vệ chống rò điện + quá tải + ngắn mạch)
- MPCB (aptomat bảo vệ động cơ)
- Contactor (Khởi động từ, ký hiệu K hoặc KM)



MCB VA47-29 được thiết kế để bảo vệ mạch điện khỏi các sự cố như ngắn mạch và quá tải, đồng thời cho phép đóng/cắt (ON/OFF) mạch điện một cách thuận tiện. Buồng dập hồ quang được cải tiến giúp nâng cao độ bền của thiết bị và tăng khả năng chịu dòng ngắn mạch.

Product ID	Product Name	Price list
MVA20-1-006-C	MCB 1P 6A 4.5kA	65,000
MVA20-1-010-C	MCB 1P 10A 4.5kA	65,000
MVA20-1-016-C	MCB 1P 16A 4.5kA	65,000
MVA20-1-020-C	MCB 1P 20A 4.5kA	65,000
MVA20-1-025-C	MCB 1P 25A 4.5kA	65,000
MVA20-1-032-C	MCB 1P 32A 4.5kA	76,000
MVA20-1-040-C	MCB 1P 40A 4.5kA	76,000
MVA20-1-050-C	MCB 1P 50A 4.5kA	76,000
MVA20-1-063-C	MCB 1P 63A 4.5kA	76,000
MVA20-2-006-C	MCB 2P 6A 4.5kA	130,000
MVA20-2-010-C	MCB 2P 10A 4.5kA	130,000
MVA20-2-016-C	MCB 2P 16A 4.5kA	130,000
MVA20-2-020-C	MCB 2P 20A 4.5kA	130,000
MVA20-2-025-C	MCB 2P 25A 4.5kA	130,000
MVA20-2-032-C	MCB 2P 32A 4.5kA	146,000
MVA20-2-040-C	MCB 2P 40A 4.5kA	146,000
MVA20-2-050-C	MCB 2P 50A 4.5kA	146,000
MVA20-2-063-C	MCB 2P 63A 4.5kA	146,000
MVA20-3-006-C	MCB 3P 6A 4.5kA	195,000
MVA20-3-010-C	MCB 3P 10A 4.5kA	195,000
MVA20-3-016-C	MCB 3P 16A 4.5kA	195,000
MVA20-3-020-C	MCB 3P 20A 4.5kA	195,000
MVA20-3-025-C	MCB 3P 25A 4.5kA	195,000
MVA20-3-032-C	MCB 3P 32A 4.5kA	221,000
MVA20-3-040-C	MCB 3P 40A 4.5kA	221,000
MVA20-3-050-C	MCB 3P 50A 4.5kA	221,000
MVA20-3-063-C	MCB 3P 63A 4.5kA	221,000
MVA20-4-006-C	MCB 4P 6A 4.5kA	260,000
MVA20-4-010-C	MCB 4P 10A 4.5kA	260,000
MVA20-4-016-C	MCB 4P 16A 4.5kA	260,000
MVA20-4-020-C	MCB 4P 20A 4.5kA	260,000
MVA20-4-025-C	MCB 4P 25A 4.5kA	260,000
MVA20-4-032-C	MCB 4P 32A 4.5kA	296,000
MVA20-4-040-C	MCB 4P 40A 4.5kA	296,000
MVA20-4-050-C	MCB 4P 50A 4.5kA	296,000
MVA20-4-063-C	MCB 4P 63A 4.5kA	296,000





MCB VA47-60M được thiết kế để bảo vệ mạch điện khỏi các sự cố ngắn mạch và quá tải, đồng thời thực hiện chức năng đóng cắt và điều khiển mạch điện. Thiết bị được trang bị buồng dập hồ quang cải tiến, giúp nâng cao độ bền và tăng khả năng chịu dòng ngắn mạch lớn, đáp ứng yêu cầu sử dụng trong các ứng dụng công nghiệp.

Product ID	Product Name	Price list
MVA31-1-006-C	MCB 1P 6A 6.0kA	85,000
MVA31-1-010-C	MCB 1P 10A 6.0kA	85,000
MVA31-1-016-C	MCB 1P 16A 6.0kA	85,000
MVA31-1-020-C	MCB 1P 20A 6.0kA	85,000
MVA31-1-025-C	MCB 1P 25A 6.0kA	85,000
MVA31-1-032-C	MCB 1P 32A 6.0kA	85,000
MVA31-1-040-C	MCB 1P 40A 6.0kA	89,000
MVA31-1-050-C	MCB 1P 50A 6.0kA	89,000
MVA31-1-063-C	MCB 1P 63A 6.0kA	89,000
MVA31-2-006-C	MCB 2P 6A 6.0kA	186,000
MVA31-2-010-C	MCB 2P 10A 6.0kA	186,000
MVA31-2-016-C	MCB 2P 16A 6.0kA	186,000
MVA31-2-020-C	MCB 2P 20A 6.0kA	186,000
MVA31-2-025-C	MCB 2P 25A 6.0kA	186,000
MVA31-2-032-C	MCB 2P 32A 6.0kA	186,000
MVA31-2-040-C	MCB 2P 40A 6.0kA	190,000
MVA31-2-050-C	MCB 2P 50A 6.0kA	190,000
MVA31-2-063-C	MCB 2P 63A 6.0kA	190,000
MVA31-3-006-C	MCB 3P 6A 6.0kA	295,000
MVA31-3-010-C	MCB 3P 10A 6.0kA	295,000
MVA31-3-016-C	MCB 3P 16A 6.0kA	295,000
MVA31-3-020-C	MCB 3P 20A 6.0kA	295,000
MVA31-3-025-C	MCB 3P 25A 6.0kA	295,000
MVA31-3-032-C	MCB 3P 32A 6.0kA	295,000
MVA31-3-040-C	MCB 3P 40A 6.0kA	300,000
MVA31-3-050-C	MCB 3P 50A 6.0kA	300,000
MVA31-3-063-C	MCB 3P 63A 6.0kA	300,000
MVA31-4-006-C	MCB 4P 6A 6.0kA	425,000
MVA31-4-010-C	MCB 4P 10A 6.0kA	425,000
MVA31-4-016-C	MCB 4P 16A 6.0kA	425,000
MVA31-4-020-C	MCB 4P 20A 6.0kA	425,000
MVA31-4-025-C	MCB 4P 25A 6.0kA	425,000
MVA31-4-032-C	MCB 4P 32A 6.0kA	425,000
MVA31-4-040-C	MCB 4P 40A 6.0kA	486,000
MVA31-4-050-C	MCB 4P 50A 6.0kA	486,000
MVA31-4-063-C	MCB 4P 63A 6.0kA	486,000



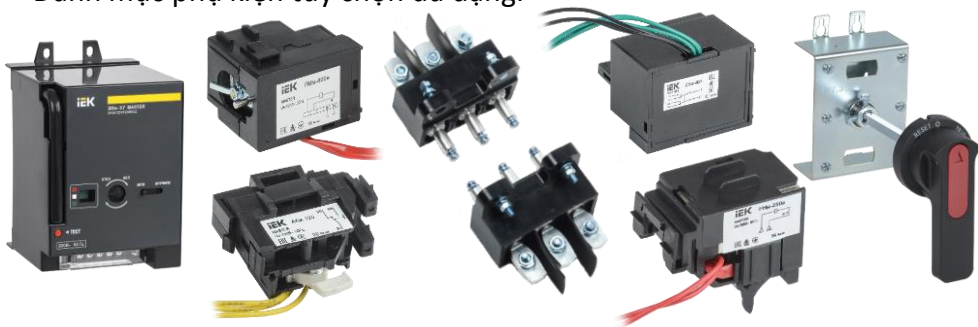


MCCB VA88 MASTER được thiết kế để bảo vệ lưới điện khỏi các sự cố như dòng ngắn mạch, quá tải và sụt áp dưới mức cho phép, đồng thời thực hiện chức năng đóng cắt và dẫn điện trong điều kiện làm việc bình thường. Dòng sản phẩm được sản xuất với 05 kích cỡ khung, trang bị bộ bảo vệ nhiệt – từ cho dải dòng định mức từ 16 A đến 800 A và bộ bảo vệ điện tử cho dải dòng định mức từ 125 A đến 800 A. Điện áp làm việc định mức: 400/690V.

Dòng điện định mức	16 - 800 A
Khả năng cắt ngắn mạch định mức theo EN 60898	25 - 35 kA
Loại bộ bảo vệ	Bộ bảo vệ nhiệt – từ (chỉnh định cố định), bộ bảo vệ điện tử
Số cực	3

ƯU ĐIỂM:

- Kích thước nhỏ gọn.
- Điện áp hoạt động - lên đến 690 V.
- Có thể lắp đặt ở bất kỳ vị trí nào (thẳng đứng/nằm ngang)
- Tuân thủ **chỉ thị RoHS 2002/95/EC** về hạn chế sử dụng các chất độc hại trong thiết bị điện và điện tử.
- Danh mục phụ kiện tùy chọn đa dạng.



Product ID	Product Name	Price list
SVA10-3-0016-02	MCCB 3P 16A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0025-02	MCCB 3P 25A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0032-02	MCCB 3P 32A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0040-02	MCCB 3P 40A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0050-02	MCCB 3P 50A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0063-02	MCCB 3P 63A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0080-02	MCCB 3P 80A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0100-02	MCCB 3P 100A 25kA	1,065,000
SVA10-3-0125-02	MCCB 3P 125A 25kA	1,315,000
SVA30-3-0100-02	MCCB 3P 100A 35kA	1,948,000
SVA30-3-0125-02	MCCB 3P 125A 35kA	1,948,000
SVA30-3-0160-02	MCCB 3P 160A 35kA	1,948,000
SVA30-3-0200-02	MCCB 3P 200A 35kA	1,948,000
SVA30-3-0250-02	MCCB 3P 250A 35kA	1,948,000
SVA40-3-0250-02	MCCB 3P 250A 35kA	4,660,000
SVA40-3-0320-02	MCCB 3P 320A 35kA	4,660,000
SVA40-3-0400-02	MCCB 3P 400A 35kA	4,660,000
SVA50-3-0400-02	MCCB 3P 400A 35kA	7,265,000
SVA50-3-0500-02	MCCB 3P 500A 35kA	7,265,000
SVA50-3-0630-02	MCCB 3P 630A 35kA	7,307,000
SVA50-3-0800-02	MCCB 3P 800A 35kA	7,307,000
Product ID	Product Name	Price list
SVA10D-AK-1-02	Tiếp điểm cảnh báo AKm-125	163,000
SVA10D-BM-3-0125-02	Khóa liên động cơ khí BVm-125	857,000
SVA10D-DK-1-02	Tiếp điểm phụ DKm-125	163,000
SVA10D-EP-02	Mô tơ nạp EPm-32 220V	3,821,000
SVA10D-N-02	Tip Nm-125	138,000
SVA10D-PM1-R-02	Plug-in panel PMm1-125	1,233,000
SVA10D-PRP-1-1-02	Tay xoay lắp ngoài mặt tủ PRPm-1 125A	328,000
SVA10D-RM-02	Undervoltage trip RMm-125	671,000
SVA10D-RN-02	Shunt trip RNm-125	266,000
SVA10D-RV-02	Terminal expander PBm-125	183,000
SVA30D-AK-1-02	Tiếp điểm cảnh báo AKm-250	194,000
SVA30D-BM-3-0250-02	Khóa liên động cơ khí BVm-250	857,000
SVA30D-DK-1-02	Tiếp điểm phụ DKm-250	163,000
SVA30D-EP-02	Mô tơ nạp EPm-35 220V	3,821,000
SVA30D-N-02	Tip Nm-250	289,000
SVA30D-PM1-R-02	Plug-in panel PMm1-250	1,751,000
SVA30D-PRP-1-1-02	Tay xoay lắp ngoài mặt tủ PRPm-1 250A	371,000
SVA30D-RM-02	Undervoltage trip RMm-250	715,000
SVA30D-RN-02	Shunt trip RNm-250	341,000
SVA30D-RV-02	Terminal expander PBm-250	356,000
SVA40D-AK-1-02	Tiếp điểm cảnh báo AKm-400	416,000
SVA40D-BM-3-0400-02	Khóa liên động cơ khí BVm-400	1,240,000
SVA40D-DK-1-02	Tiếp điểm phụ DKm-400	416,000
SVA40D-EP-02	Mô tơ nạp EPm-37 220V	6,722,000
SVA40D-PM1-R-02	Plug-in panel PMm1-400	4,280,000
SVA40D-PRP-1-1-02	Tay xoay lắp ngoài mặt tủ PRPm-1 400A	583,000
SVA40D-RM-02	Undervoltage trip RMm-400	966,000
SVA40D-RN-02	Shunt trip RNm-400	741,000
SVA40D-RV-02	Terminal expander PBm-400	898,000
SVA70D-AK-1-02	Tiếp điểm phụ DKm-630/800	416,000
SVA70D-BM-3-0630-02	Khóa liên động cơ khí BVm-630/800	1,240,000
SVA70D-DK-1-02	Tiếp điểm phụ DKm-630/800	416,000
SVA70D-EP-02	Mô tơ nạp EPm-40 220V	6,722,000
SVA70D-PM1-R-02	Plug-in panel PMm1-630/800	6,611,000
SVA70D-PRP-1-1-02	Tay xoay lắp ngoài mặt tủ PRPm-1 630/800A	583,000
SVA70D-RM-02	Undervoltage trip RMm-630/800	992,000
SVA70D-RN-02	Shunt trip RNm-630/800	741,000
SVA70D-RV-02	Terminal expander PBm-630/800	2,109,000



Product ID	Product rated current	Price list
AR-MCCB-3S-035-ATUC	16, 20, 25, 32, 40, 50, 63	3,563,000
AR-MCCB-3A-035-ATUC	63, 80, 100, 125	4,941,000
AR-MCCB-3A-050-ATUC	25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	5,831,000
AR-MCCB-3A-085-ATUC	25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	7,411,000
AR-MCCB-3A-150-ATUC	25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	12,071,000
AR-MCCB-3D-035-ATUC	160	6,121,000
AR-MCCB-3D-050-ATUC	100, 125, 160	6,854,000
AR-MCCB-3D-085-ATUC	100, 125, 160	8,742,000
AR-MCCB-3D-150-ATUC	100, 125, 160	19,575,000
AR-MCCB-3G-050-ATUC	125, 160, 200, 225, 250	9,179,000
AR-MCCB-3G-085-ATUC	125, 160, 200, 225, 250	10,708,000
AR-MCCB-3G-150-ATUC	125, 160, 200, 225, 250	21,458,000
AR-MCCB-3H-050-ATUC	320, 400	11,603,000
AR-MCCB-3H-085-ATUC	250, 320, 400	15,310,000
AR-MCCB-3H-100-ATUC	250, 320, 400	25,556,000
AR-MCCB-3H-150-ATUC	250, 320, 400	31,670,000
AR-MCCB-3I-085-ATUC	400, 500, 630	23,752,000
AR-MCCB-3I-100-ATUC	400, 500, 630	32,386,000
AR-MCCB-3I-150-ATUC	400, 500, 630	42,829,000
AR-MCCB-3N-085-ATUC	800, 1000, 1250, 1600	55,372,000
AR-MCCB-3N-120-ATUC	800, 1000, 1250, 1600	81,593,000



Product ID	Product Name	Price list
AR-ACB-3FA-055-0630A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 630A TD with acc. IEK	85,852,000
AR-ACB-3FA-055-0630A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 630A TT with acc. IEK	127,346,000
AR-ACB-3FA-055-0630A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 630A TY with acc. IEK	105,415,000
AR-ACB-3FA-055-0800A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 800A TD with acc. IEK	87,625,000
AR-ACB-3FA-055-0800A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 800A TT with acc. IEK	129,117,000
AR-ACB-3FA-055-0800A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 800A TY with acc. IEK	107,188,000
AR-ACB-3FA-055-1000A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1000A TD with acc. IEK	91,171,000
AR-ACB-3FA-055-1000A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1000A TT with acc. IEK	132,663,000
AR-ACB-3FA-055-1000A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1000A TY with acc. IEK	110,735,000
AR-ACB-3FA-055-1250A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1250A TD with acc. IEK	97,671,000
AR-ACB-3FA-055-1250A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1250A TT with acc. IEK	139,165,000
AR-ACB-3FA-055-1250A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1250A TY with acc. IEK	117,237,000
AR-ACB-3FA-055-1600A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1600A TD with acc. IEK	104,173,000
AR-ACB-3FA-055-1600A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1600A TT with acc. IEK	145,665,000
AR-ACB-3FA-055-1600A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 55ka 1600A TY with acc. IEK	123,737,000
AR-ACB-3FA-066-0630A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 630A TD with acc. IEK	98,854,000
AR-ACB-3FA-066-0630A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 630A TT with acc. IEK	140,348,000
AR-ACB-3FA-066-0630A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 630A TY with acc. IEK	118,417,000
AR-ACB-3FA-066-0800A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 800A TD with acc. IEK	100,035,000
AR-ACB-3FA-066-0800A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 800A TT with acc. IEK	141,529,000
AR-ACB-3FA-066-0800A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 800A TY with acc. IEK	119,600,000
AR-ACB-3FA-066-1000A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1000A TD with acc. IEK	104,173,000
AR-ACB-3FA-066-1000A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1000A TT with acc. IEK	145,665,000
AR-ACB-3FA-066-1000A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1000A TY with acc. IEK	123,737,000
AR-ACB-3FA-066-1250A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1250A TD with acc. IEK	111,856,000
AR-ACB-3FA-066-1250A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1250A TT with acc. IEK	153,350,000
AR-ACB-3FA-066-1250A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1250A TY with acc. IEK	131,421,000
AR-ACB-3FA-066-1600A-TDCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1600A TD with acc. IEK	118,946,000
AR-ACB-3FA-066-1600A-TTCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1600A TT with acc. IEK	160,440,000
AR-ACB-3FA-066-1600A-TYCF	ARMAT ACB 3P A 66ka 1600A TY with acc. IEK	138,512,000
AR-ACB-3FB-085-0630A-TDCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 630A TD with acc. IEK	114,062,000
AR-ACB-3FB-085-0630A-TTCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 630A TT with acc. IEK	155,556,000
AR-ACB-3FB-085-0630A-TYCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 630A TY with acc. IEK	133,627,000
AR-ACB-3FB-085-0800A-TDCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 800A TD with acc. IEK	122,337,000
AR-ACB-3FB-085-0800A-TTCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 800A TT with acc. IEK	163,831,000
AR-ACB-3FB-085-0800A-TYCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 800A TY with acc. IEK	141,902,000
AR-ACB-3FB-085-1000A-TDCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1000A TD with acc. IEK	131,202,000
AR-ACB-3FB-085-1000A-TTCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1000A TT with acc. IEK	172,694,000
AR-ACB-3FB-085-1000A-TYCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1000A TY with acc. IEK	150,765,000
AR-ACB-3FH-125-6300A-TDCF	ARMAT ACB 3P H 125ka 6300A TD with acc. IEK	668,302,000
AR-ACB-3FH-125-6300A-TTCF	ARMAT ACB 3P H 125ka 6300A TT with acc. IEK	709,796,000
AR-ACB-3FH-125-6300A-TYCF	ARMAT ACB 3P H 125ka 6300A TY with acc. IEK	687,867,000
AR-ACB-3FH-150-6300A-TDCF	ARMAT ACB 3P H 150ka 6300A TD with acc. IEK	733,312,000
AR-ACB-3FH-150-6300A-TTCF	ARMAT ACB 3P H 150ka 6300A TT with acc. IEK	774,806,000
AR-ACB-3FH-150-6300A-TYCF	ARMAT ACB 3P H 150ka 6300A TY with acc. IEK	752,877,000



Product ID	Product Name	Price list
AR-ACB-3FB-085-1250A-TDCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1250A TD with acc. IEK	140,658,000
AR-ACB-3FB-085-1250A-TTCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1250A TT with acc. IEK	182,152,000
AR-ACB-3FB-085-1250A-TYCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1250A TY with acc. IEK	160,221,000
AR-ACB-3FB-085-1600A-TDCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1600A TD with acc. IEK	149,521,000
AR-ACB-3FB-085-1600A-TTCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1600A TT with acc. IEK	191,015,000
AR-ACB-3FB-085-1600A-TYCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 1600A TY with acc. IEK	169,087,000
AR-ACB-3FB-085-2000A-TDCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 2000A TD with acc. IEK	177,973,000
AR-ACB-3FB-085-2000A-TTCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 2000A TT with acc. IEK	219,467,000
AR-ACB-3FB-085-2000A-TYCF	ARMAT ACB 3P B 85ka 2000A TY with acc. IEK	197,538,000
AR-ACB-3FD-085-2500A-TDCF	ARMAT ACB 3P D 85ka 2500A TD with acc. IEK	189,306,000
AR-ACB-3FD-085-2500A-TTCF	ARMAT ACB 3P D 85ka 2500A TT with acc. IEK	230,800,000
AR-ACB-3FD-085-2500A-TYCF	ARMAT ACB 3P D 85ka 2500A TY with acc. IEK	208,871,000
AR-ACB-3FE-085-2000A-TDCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 2000A TD with acc. IEK	209,440,000
AR-ACB-3FE-085-2000A-TTCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 2000A TT with acc. IEK	250,933,000
AR-ACB-3FE-085-2000A-TYCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 2000A TY with acc. IEK	229,004,000
AR-ACB-3FE-085-2500A-TDCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 2500A TD with acc. IEK	228,971,000
AR-ACB-3FE-085-2500A-TTCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 2500A TT with acc. IEK	270,465,000
AR-ACB-3FE-085-2500A-TYCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 2500A TY with acc. IEK	248,537,000
AR-ACB-3FE-085-3200A-TDCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 3200A TD with acc. IEK	266,796,000
AR-ACB-3FE-085-3200A-TTCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 3200A TT with acc. IEK	308,288,000
AR-ACB-3FE-085-3200A-TYCF	ARMAT ACB 3P E 85ka 3200A TY with acc. IEK	286,360,000
AR-ACB-3FE-100-2000A-TDCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 2000A TD with acc. IEK	220,077,000
AR-ACB-3FE-100-2000A-TTCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 2000A TT with acc. IEK	261,571,000
AR-ACB-3FE-100-2000A-TYCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 2000A TY with acc. IEK	239,642,000
AR-ACB-3FE-100-2500A-TDCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 2500A TD with acc. IEK	239,610,000
AR-ACB-3FE-100-2500A-TTCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 2500A TT with acc. IEK	281,104,000
AR-ACB-3FE-100-2500A-TYCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 2500A TY with acc. IEK	259,175,000
AR-ACB-3FE-100-3200A-TDCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 3200A TD with acc. IEK	283,935,000
AR-ACB-3FE-100-3200A-TTCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 3200A TT with acc. IEK	325,429,000
AR-ACB-3FE-100-3200A-TYCF	ARMAT ACB 3P E 100ka 3200A TY with acc. IEK	303,500,000
AR-ACB-3FF-085-2500A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 2500A TD with acc. IEK	241,973,000
AR-ACB-3FF-085-2500A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 2500A TT with acc. IEK	283,467,000
AR-ACB-3FF-085-2500A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 2500A TY with acc. IEK	261,538,000
AR-ACB-3FF-085-3200A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 3200A TD with acc. IEK	279,798,000
AR-ACB-3FF-085-3200A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 3200A TT with acc. IEK	321,290,000
AR-ACB-3FF-085-3200A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 3200A TY with acc. IEK	299,362,000
AR-ACB-3FF-085-4000A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 4000A TD with acc. IEK	399,179,000
AR-ACB-3FF-085-4000A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 4000A TT with acc. IEK	440,673,000
AR-ACB-3FF-085-4000A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 85ka 4000A TY with acc. IEK	418,744,000
AR-ACB-3FF-100-2500A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 2500A TD with acc. IEK	252,612,000
AR-ACB-3FF-100-2500A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 2500A TT with acc. IEK	294,106,000
AR-ACB-3FF-100-2500A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 2500A TY with acc. IEK	272,177,000
AR-ACB-3FF-100-3200A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 3200A TD with acc. IEK	296,937,000
AR-ACB-3FF-100-3200A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 3200A TT with acc. IEK	338,431,000
AR-ACB-3FF-100-3200A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 3200A TY with acc. IEK	316,502,000
AR-ACB-3FF-100-4000A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 4000A TD with acc. IEK	426,365,000
AR-ACB-3FF-100-4000A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 4000A TT with acc. IEK	467,860,000
AR-ACB-3FF-100-4000A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 100ka 4000A TY with acc. IEK	445,931,000
AR-ACB-3FF-125-2500A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 125ka 2500A TD with acc. IEK	272,113,000
AR-ACB-3FF-125-2500A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 125ka 2500A TT with acc. IEK	313,608,000
AR-ACB-3FF-125-2500A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 125ka 2500A TY with acc. IEK	291,679,000
AR-ACB-3FF-125-3200A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 125ka 3200A TD with acc. IEK	316,438,000
AR-ACB-3FF-125-3200A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 125ka 3200A TT with acc. IEK	357,933,000
AR-ACB-3FF-125-3200A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 125ka 3200A TY with acc. IEK	336,004,000



Product ID	Product Name	Price list
AR-ACB-3FF-125-4000A-TDCF	ARMAT ACB 3P F 125kA 4000A TD with acc. IEK	445,867,000
AR-ACB-3FF-125-4000A-TTCF	ARMAT ACB 3P F 125kA 4000A TT with acc. IEK	487,362,000
AR-ACB-3FF-125-4000A-TYCF	ARMAT ACB 3P F 125kA 4000A TY with acc. IEK	465,433,000
AR-ACB-3FG-125-4000A-TDCF	ARMAT ACB 3P G 125kA 4000A TD with acc. IEK	468,456,000
AR-ACB-3FG-125-4000A-TTCF	ARMAT ACB 3P G 125kA 4000A TT with acc. IEK	509,950,000
AR-ACB-3FG-125-4000A-TYCF	ARMAT ACB 3P G 125kA 4000A TY with acc. IEK	488,021,000
AR-ACB-3FG-125-5000A-TDCF	ARMAT ACB 3P G 125kA 5000A TD with acc. IEK	500,962,000
AR-ACB-3FG-125-5000A-TTCF	ARMAT ACB 3P G 125kA 5000A TT with acc. IEK	542,456,000
AR-ACB-3FG-125-5000A-TYCF	ARMAT ACB 3P G 125kA 5000A TY with acc. IEK	520,527,000
AR-ACB-3FG-135-4000A-TDCF	ARMAT ACB 3P G 135kA 4000A TD with acc. IEK	487,960,000
AR-ACB-3FG-135-4000A-TTCF	ARMAT ACB 3P G 135kA 4000A TT with acc. IEK	529,454,000
AR-ACB-3FG-135-4000A-TYCF	ARMAT ACB 3P G 135kA 4000A TY with acc. IEK	507,525,000
AR-ACB-3FG-135-5000A-TDCF	ARMAT ACB 3P G 135kA 5000A TD with acc. IEK	520,463,000
AR-ACB-3FG-135-5000A-TTCF	ARMAT ACB 3P G 135kA 5000A TT with acc. IEK	561,958,000
AR-ACB-3FG-135-5000A-TYCF	ARMAT ACB 3P G 135kA 5000A TY with acc. IEK	540,029,000
AR-ACB-3FH-125-4000A-TDCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 4000A TD with acc. IEK	525,279,000
AR-ACB-3FH-125-4000A-TTCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 4000A TT with acc. IEK	566,773,000
AR-ACB-3FH-125-4000A-TYCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 4000A TY with acc. IEK	544,844,000
AR-ACB-3FH-125-5000A-TDCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 5000A TD with acc. IEK	596,790,000
AR-ACB-3FH-125-5000A-TTCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 5000A TT with acc. IEK	638,285,000
AR-ACB-3FH-125-5000A-TYCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 5000A TY with acc. IEK	616,356,000
AR-ACB-3FH-125-6300A-TDCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 6300A TD with acc. IEK	668,302,000
AR-ACB-3FH-125-6300A-TTCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 6300A TT with acc. IEK	709,796,000
AR-ACB-3FH-125-6300A-TYCF	ARMAT ACB 3P H 125kA 6300A TY with acc. IEK	687,867,000
AR-ACB-3FH-150-6300A-TDCF	ARMAT ACB 3P H 150kA 6300A TD with acc. IEK	733,312,000
AR-ACB-3FH-150-6300A-TTCF	ARMAT ACB 3P H 150kA 6300A TT with acc. IEK	774,806,000
AR-ACB-3FH-150-6300A-TYCF	ARMAT ACB 3P H 150kA 6300A TY with acc. IEK	752,877,000





Product ID	Product Name	Price list
AR-MPCB-A1A16	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.1-0.16A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1A25	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.16-0.25A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1A40	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.24-0.4A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1A63	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.4-0.63A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1B10	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.63-1A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1B16	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 1-1.6A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A6B25	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 1.6-2.5A IEK	1,155,000
AR-MPCB-A6B40	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 10-16A IEK	1,155,000
AR-MPCB-A6B63	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 14.5-20A IEK	1,036,000
AR-MPCB-A6C10	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 18-25A IEK	1,036,000
AR-MPCB-A6C16	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 2.5-4A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A6C20	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 23-32A IEK	1,199,000
AR-MPCB-A6C25	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 4-6.3A IEK	1,288,000
AR-MPCB-A6C32	ARMAT Automatic motor protection switch A6 GV2P 6.3-10A IEK	1,362,000
AR-MPCB-B6C45	ARMAT Automatic motor protection switch B6 GV2P 32-45A IEK	2,339,000
AR-MPCB-A1A16	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.1-0.16A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1A25	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.16-0.25A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1A40	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.24-0.4A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1A63	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.4-0.63A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1B10	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 0.63-1A IEK	1,110,000
AR-MPCB-A1B16	ARMAT Automatic motor protection switch A1 GV2P 1-1.6A IEK	1,110,000



RCBO AD12 (2P) và AD14 (4P) tích hợp đầy đủ các chức năng của MCB, đồng thời bổ sung chức năng phát hiện và bảo vệ dòng điện dư (bảo vệ chống rò điện/chạm đất) với các mức dòng điện dư tác động định mức ($I_{\Delta n}$): 10 mA, 30 mA, 100 mA và 300 mA. Đặc biệt, phiên bản 300 mA có khả năng bảo vệ chống cháy, giúp ngăn ngừa nguy cơ hỏa hoạn do sự cố hư hỏng hoặc suy giảm cách điện của các phần mang điện.

Product ID	Product Name	Price list
MAD10-2-006-C-030	RCBO 2P 6A 4.5kA 30mA	420,000
MAD10-2-010-C-030	RCBO 2P 10A 4.5kA 30mA	420,000
MAD10-2-016-C-030	RCBO 2P 16A 4.5kA 30mA	420,000
MAD10-2-020-C-030	RCBO 2P 20A 4.5kA 30mA	420,000
MAD10-2-025-C-030	RCBO 2P 25A 4.5kA 30mA	420,000
MAD10-2-032-C-030	RCBO 2P 32A 4.5kA 30mA	420,000
MAD10-2-040-C-030	RCBO 2P 40A 4.5kA 30mA	470,000
MAD10-2-050-C-030	RCBO 2P 50A 4.5kA 30mA	470,000
MAD10-2-063-C-030	RCBO 2P 63A 4.5kA 30mA	470,000
MAD10-2-006-C-100	RCBO 2P 6A 4.5kA 100mA	420,000
MAD10-2-010-C-100	RCBO 2P 10A 4.5kA 100mA	420,000
MAD10-2-016-C-100	RCBO 2P 16A 4.5kA 100mA	420,000
MAD10-2-020-C-100	RCBO 2P 20A 4.5kA 100mA	420,000
MAD10-2-025-C-100	RCBO 2P 25A 4.5kA 100mA	420,000
MAD10-2-032-C-100	RCBO 2P 32A 4.5kA 100mA	420,000
MAD10-2-040-C-100	RCBO 2P 40A 4.5kA 100mA	470,000
MAD10-2-050-C-100	RCBO 2P 50A 4.5kA 100mA	470,000
MAD10-2-063-C-100	RCBO 2P 63A 4.5kA 100mA	470,000
MAD10-4-006-C-030	RCBO 4P 6A 4.5kA 30mA	656,000
MAD10-4-010-C-030	RCBO 4P 10A 4.5kA 30mA	656,000
MAD10-4-016-C-030	RCBO 4P 16A 4.5kA 30mA	656,000
MAD10-4-020-C-030	RCBO 4P 20A 4.5kA 30mA	656,000
MAD10-4-025-C-030	RCBO 4P 25A 4.5kA 30mA	656,000
MAD10-4-032-C-030	RCBO 4P 32A 4.5kA 30mA	656,000
MAD10-4-040-C-030	RCBO 4P 40A 4.5kA 30mA	756,000
MAD10-4-050-C-030	RCBO 4P 50A 4.5kA 30mA	756,000
MAD10-4-063-C-030	RCBO 4P 63A 4.5kA 30mA	756,000
MAD10-4-006-C-100	RCBO 4P 6A 4.5kA 100mA	656,000
MAD10-4-010-C-100	RCBO 4P 10A 4.5kA 100mA	656,000
MAD10-4-016-C-100	RCBO 4P 16A 4.5kA 100mA	656,000
MAD10-4-020-C-100	RCBO 4P 20A 4.5kA 100mA	656,000
MAD10-4-025-C-100	RCBO 4P 25A 4.5kA 100mA	656,000
MAD10-4-032-C-100	RCBO 4P 32A 4.5kA 100mA	656,000
MAD10-4-040-C-100	RCBO 4P 40A 4.5kA 100mA	756,000
MAD10-4-050-C-100	RCBO 4P 50A 4.5kA 100mA	756,000
MAD10-4-063-C-100	RCBO 4P 63A 4.5kA 100mA	756,000





RCBO AVDT32 (1P+N) và AVDT34 (3P+N) tích hợp đầy đủ các chức năng của MCB, đồng thời bổ sung chức năng phát hiện và bảo vệ dòng điện dư (bảo vệ chống rò điện/chạm đất) với các mức dòng điện dư tác động định mức: 10 mA, 30 mA, 100 mA và 300 mA. Đặc biệt, phiên bản 300 mA có khả năng bảo vệ chống cháy, giúp ngăn ngừa nguy cơ hỏa hoạn do sự cố hư hỏng hoặc suy giảm cách điện của các phần mang điện. So với AD12, AVDT32 có thiết kế nhỏ gọn hơn, phù hợp lắp đặt trong các không gian hạn chế hoặc các tủ điện dân dụng có diện tích lắp đặt nhỏ.

Product ID	Product Name	Price list
MAD22-5-006-C-030	RCBO 1P+N 6A 6kA 30mA	504,000
MAD22-5-010-C-030	RCBO 1P+N 10A 6kA 30mA	504,000
MAD22-5-016-C-030	RCBO 1P+N 16A 6kA 30mA	504,000
MAD22-5-020-C-030	RCBO 1P+N 20A 6kA 30mA	504,000
MAD22-5-025-C-030	RCBO 1P+N 25A 6kA 30mA	544,000
MAD22-5-032-C-030	RCBO 1P+N 32A 6kA 30mA	544,000
MAD22-5-040-C-030	RCBO 1P+N 40A 6kA 30mA	544,000
MAD22-5-050-C-030	RCBO 1P+N 50A 6kA 30mA	544,000
MAD22-5-063-C-030	RCBO 1P+N 63A 6kA 30mA	544,000
MAD22-5-006-C-100	RCBO 1P+N 6A 6kA 100mA	504,000
MAD22-5-010-C-100	RCBO 1P+N 10A 6kA 100mA	504,000
MAD22-5-016-C-100	RCBO 1P+N 16A 6kA 100mA	504,000
MAD22-5-020-C-100	RCBO 1P+N 20A 6kA 100mA	504,000
MAD22-5-025-C-100	RCBO 1P+N 25A 6kA 100mA	544,000
MAD22-5-032-C-100	RCBO 1P+N 32A 6kA 100mA	544,000
MAD22-5-040-C-100	RCBO 1P+N 40A 6kA 100mA	544,000
MAD22-5-050-C-100	RCBO 1P+N 50A 6kA 100mA	544,000
MAD22-5-063-C-100	RCBO 1P+N 63A 6kA 100mA	544,000
MAD22-6-006-C-030	RCBO 3P+N 6A 6kA 30mA	1,155,000
MAD22-6-010-C-030	RCBO 3P+N 10A 6kA 30mA	1,155,000
MAD22-6-016-C-030	RCBO 3P+N 16A 6kA 30mA	1,155,000
MAD22-6-020-C-030	RCBO 3P+N 20A 6kA 30mA	1,155,000
MAD22-6-025-C-030	RCBO 3P+N 25A 6kA 30mA	1,235,000
MAD22-6-032-C-030	RCBO 3P+N 32A 6kA 30mA	1,235,000
MAD22-6-040-C-030	RCBO 3P+N 40A 6kA 30mA	1,235,000
MAD22-6-050-C-030	RCBO 3P+N 50A 6kA 30mA	1,235,000
MAD22-6-063-C-030	RCBO 3P+N 63A 6kA 30mA	1,235,000
MAD22-6-006-C-100	RCBO 3P+N 6A 6kA 100mA	1,155,000
MAD22-6-010-C-100	RCBO 3P+N 10A 6kA 100mA	1,155,000
MAD22-6-016-C-100	RCBO 3P+N 16A 6kA 100mA	1,155,000
MAD22-6-020-C-100	RCBO 3P+N 20A 6kA 100mA	1,155,000
MAD22-6-025-C-100	RCBO 3P+N 25A 6kA 100mA	1,235,000
MAD22-6-032-C-100	RCBO 3P+N 32A 6kA 100mA	1,235,000
MAD22-6-040-C-100	RCBO 3P+N 40A 6kA 100mA	1,235,000
MAD22-6-050-C-100	RCBO 3P+N 50A 6kA 100mA	1,235,000
MAD22-6-063-C-100	RCBO 3P+N 63A 6kA 100mA	1,235,000





RCBO AVDT32ML (1P+N) tích hợp đầy đủ các chức năng của MCB, đồng thời được tích hợp chức năng phát hiện và bảo vệ dòng điện dư (bảo vệ chống rò điện/chạm đất) với các mức dòng điện dư tác động định mức ($I_{\Delta n}$): 10 mA, 30 mA và 100 mA. AVDT32ML có thiết kế nhỏ gọn, phù hợp lắp đặt trong các không gian hạn chế hoặc các tủ điện dân dụng có diện tích lắp đặt nhỏ.

Product ID	Product Name	Price list
MVD12-1-006-C-030	RCBO 1P+N 6A 6kA 30mA	770,000
MVD12-1-010-C-030	RCBO 1P+N 10A 6kA 30mA	770,000
MVD12-1-016-C-030	RCBO 1P+N 16A 6kA 30mA	770,000
MVD12-1-020-C-030	RCBO 1P+N 20A 6kA 30mA	770,000
MVD12-1-025-C-030	RCBO 1P+N 25A 6kA 30mA	770,000
MVD12-1-032-C-030	RCBO 1P+N 32A 6kA 30mA	770,000
MVD12-1-006-C-100	RCBO 1P+N 6A 6kA 100mA	770,000
MVD12-1-010-C-100	RCBO 1P+N 10A 6kA 100mA	770,000
MVD12-1-016-C-100	RCBO 1P+N 16A 6kA 100mA	770,000
MVD12-1-020-C-100	RCBO 1P+N 20A 6kA 100mA	770,000
MVD12-1-025-C-100	RCBO 1P+N 25A 6kA 100mA	770,000
MVD12-1-032-C-100	RCBO 1P+N 32A 6kA 100mA	770,000





RCBO AVDT32EM (1P+N) tích hợp đầy đủ các chức năng của MCB, đồng thời được tích hợp chức năng phát hiện và bảo vệ dòng điện dư (bảo vệ chống rò điện/chạm đất) với các mức dòng điện dư tác động định mức: 10 mA, 30 mA và 100 mA. AVDT32EM có thiết kế nhỏ gọn, phù hợp lắp đặt trong các không gian hạn chế hoặc các tủ điện dân dụng có diện tích lắp đặt nhỏ.

Product ID	Product Name	Price list
MVD14-1-006-C-030-AC	RCBO 1P+N 6A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-010-C-030-AC	RCBO 1P+N 10A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-016-C-030-AC	RCBO 1P+N 16A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-020-C-030-AC	RCBO 1P+N 20A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-025-C-030-AC	RCBO 1P+N 25A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-032-C-030-AC	RCBO 1P+N 32A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-040-C-030-AC	RCBO 1P+N 40A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-050-C-030-AC	RCBO 1P+N 50A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-063-C-030-AC	RCBO 1P+N 63A 6kA 30mA	767,000
MVD14-1-006-C-100-AC	RCBO 1P+N 6A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-010-C-100-AC	RCBO 1P+N 10A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-016-C-100-AC	RCBO 1P+N 16A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-020-C-100-AC	RCBO 1P+N 20A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-025-C-100-AC	RCBO 1P+N 25A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-032-C-100-AC	RCBO 1P+N 32A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-040-C-100-AC	RCBO 1P+N 40A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-050-C-100-AC	RCBO 1P+N 50A 6kA 100mA	767,000
MVD14-1-063-C-100-AC	RCBO 1P+N 63A 6kA 100mA	767,000





RCCB KARAT VD3-63 (cầu dao chống dòng điện dư không tích hợp bảo vệ quá dòng) được thiết kế để tự động ngắt nguồn điện khi xảy ra sự cố hư hỏng cách điện trong các mạch điện xoay chiều 1 pha và 3 pha, có điện áp định mức đến 400 V và tần số 50 Hz.

VD3-63 không được thiết kế để bảo vệ và cắt dòng ngắn mạch hoặc dòng quá tải, do đó cần kết hợp với MCB hoặc MCCB để đảm bảo khả năng bảo vệ toàn diện cho mạch điện.

Product ID	Product Name	Price list
MDV20-2-016-030	RCCB 1P+N 16A 6kA 30mA	619,000
MDV20-2-025-030	RCCB 1P+N 25A 6kA 30mA	619,000
MDV20-2-032-030	RCCB 1P+N 32A 6kA 30mA	619,000
MDV20-2-040-030	RCCB 1P+N 40A 6kA 30mA	619,000
MDV20-2-050-030	RCCB 1P+N 50A 6kA 30mA	619,000
MDV20-2-063-030	RCCB 1P+N 63A 6kA 30mA	619,000
MDV20-2-080-030	RCCB 1P+N 80A 6kA 30mA	705,000
MDV20-2-100-030	RCCB 1P+N 100A 6kA 30mA	743,000
MDV20-2-016-100	RCCB 1P+N 16A 6kA 100mA	619,000
MDV20-2-025-100	RCCB 1P+N 25A 6kA 100mA	619,000
MDV20-2-032-100	RCCB 1P+N 32A 6kA 100mA	619,000
MDV20-2-040-100	RCCB 1P+N 40A 6kA 100mA	619,000
MDV20-2-050-100	RCCB 1P+N 50A 6kA 100mA	619,000
MDV20-2-063-100	RCCB 1P+N 63A 6kA 100mA	619,000
MDV20-2-080-100	RCCB 1P+N 80A 6kA 100mA	705,000
MDV20-2-100-100	RCCB 3P+N 100A 6kA 100mA	743,000
MDV20-4-025-030	RCCB 3P+N 25A 6kA 30mA	838,000
MDV20-4-032-030	RCCB 3P+N 32A 6kA 30mA	838,000
MDV20-4-040-030	RCCB 3P+N 40A 6kA 30mA	838,000
MDV20-4-050-030	RCCB 3P+N 50A 6kA 30mA	871,000
MDV20-4-063-030	RCCB 3P+N 63A 6kA 30mA	871,000
MDV20-4-080-030	RCCB 3P+N 80A 6kA 30mA	970,000
MDV20-4-100-030	RCCB 3P+N 100A 6kA 30mA	970,000
MDV20-4-025-100	RCCB 3P+N 25A 6kA 100mA	838,000
MDV20-4-032-100	RCCB 3P+N 32A 6kA 100mA	838,000
MDV20-4-040-100	RCCB 3P+N 40A 6kA 100mA	838,000
MDV20-4-050-100	RCCB 3P+N 50A 6kA 100mA	871,000
MDV20-4-063-100	RCCB 3P+N 63A 6kA 100mA	871,000
MDV20-4-080-100	RCCB 3P+N 80A 6kA 100mA	970,000
MDV20-4-100-100	RCCB 3P+N 100A 6kA 100mA	970,000





Công tắc tơ mô-đun dòng KM được thiết kế để sử dụng trong lưới điện xoay chiều 400 V, 50 Hz, dùng để đóng cắt các tải có tính cảm thấp với dòng điện định mức đến 63 A..

Sản phẩm được ứng dụng trong hệ thống tự động hóa và điều khiển của nhiều quy trình công nghệ khác nhau, bao gồm hệ thống chiếu sáng, thông gió và điều hòa không khí (HVAC).

Product ID	Product Name	Price list
MKK11-20-11-230	Modular contactor 20A 230VAC NO-NC	329,000
MKK11-20-20-230	Modular contactor 20A 230VAC 2NO	329,000
MKK11-25-11-230	Modular contactor 25A 230VAC NO-NC	329,000
MKK11-25-20-230	Modular contactor 25A 230VAC 2NO	329,000
MKK11-40-11-230	Modular contactor 40A 230VAC NO-NC	648,000
MKK11-40-20-230	Modular contactor 40A 230VAC 2NO	648,000
MKK11-63-11-230	Modular contactor 63A 230VAC NO-NC	699,000
MKK11-20-22-230	Modular contactor 20A 230VAC 2NO-2NC	699,000
MKK11-20-40-230	Modular contactor 20A 230VAC 4NO	619,000
MKK11-25-22-230	Modular contactor 25A 230VAC 2NO-2NC	619,000
MKK11-25-40-230	Modular contactor 25A 230VAC 4NO	619,000
MKK21-25-40-230	Modular contactor 25A 230VAC/DC 4NO	619,000
MKK21-40-40-230	Modular contactor 40A 230VAC/DC 4NO	619,000
MKK21-63-40-230	Modular contactor 63A 230VAC/DC 4NO	619,000





Công tắc tơ AC dòng KMI được thiết kế cho dòng điện định mức từ 9 A đến 95 A (cấp sử dụng AC-3). Sản phẩm được sử dụng để khởi động, dừng và đảo chiều động cơ không đồng bộ rôto lồng sóc có điện áp làm việc đến 660 V. Ngoài ra, công tắc tơ còn phù hợp cho các ứng dụng: Điều khiển từ xa hệ thống chiếu sáng (AC-5a, AC-5b); Đóng cắt mạch gia nhiệt và các tải có tính cảm thấp (AC-1); Đóng cắt bộ tụ bù ba pha (AC-6b); Đóng cắt cuộn dây sơ cấp của máy biến áp hạ áp ba pha (AC-6a).

Dòng điện định mức	9 - 95 A
Điện áp cuộn hút	24, 36, 110, 230, 400 V
Số cực	3
Loại tiếp điểm phụ	NO, NC

ƯU ĐIỂM:

- Hỗ trợ lắp đặt trên thanh DIN 35 mm (trong khi ở nhiều sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất khác, đây chỉ là tùy chọn bổ sung).
- Có thể dễ dàng chuyển đổi sang phiên bản đảo chiều bằng cách sử dụng bộ khóa liên động cơ khí.
- Hỗ trợ đa dạng phụ kiện tùy chọn, luôn sẵn có để đáp ứng nhiều nhu cầu ứng dụng (Tiếp điểm phụ PKI, Bộ trễ thời gian PVI, Rơ le nhiệt RTI)



Product ID	Product Name	Price list
KKM11-009-230-10	Contactator 3P 9A 230VAC NO	255,000
KKM11-012-230-10	Contactator 3P 12A 230VAC NO	293,000
KKM11-018-230-10	Contactator 3P 18A 230VAC NO	465,000
KKM21-025-230-10	Contactator 3P 25A 230VAC NO	578,000
KKM21-032-230-10	Contactator 3P 32A 230VAC NO	826,000
KKM31-040-230-11	Contactator 3P 40A 230VAC NO-NC	1,013,000
KKM31-050-230-11	Contactator 3P 50A 230VAC NO-NC	1,321,000
KKM41-065-230-11	Contactator 3P 65A 230VAC NO-NC	1,521,000
KKM41-080-230-11	Contactator 3P 80A 230VAC NO-NC	1,982,000
KKM41-095-230-11	Contactator 3P 95A 230VAC NO-NC	2,628,000

Product ID	Product Name	Price list
KPK10-04	Auxiliary contact 4NC	45,000
KPK10-11	Auxiliary contact NO-NC	33,000
KPK10-13	Auxiliary contact NO-3NC	45,000
KPK10-20	Auxiliary contact 2NO	33,000
KPK10-22	Auxiliary contact 2NO-2NC	45,000
KPK10-31	Auxiliary contact 3NO-NC	45,000
KPK10-40	Auxiliary contact 4NO	45,000
KPK21-11	Sided auxiliary contact NO-NC	73,000
KPK21-20	Sided auxiliary contact 2NO	73,000

Product ID	Product Name	Price list
RTI-1301	Thermal relay (0.1 – 0.16)A	289,000
RTI-1302	Thermal relay (0.16 – 0.25)A	289,000
RTI-1303	Thermal relay (0.25 – 0.4)A	262,000
RTI-1304	Thermal relay (0.4 – 0.63)A	262,000
RTI-1305	Thermal relay (0.63 – 1)A	262,000
RTI-1306	Thermal relay (1 – 1.6)A	262,000
RTI-1307	Thermal relay (1.6 – 2.5)A	289,000
RTI-1308	Thermal relay (2.5 – 4)A	289,000
RTI-1310	Thermal relay (4 – 6)A	262,000
RTI-1312	Thermal relay (5.5 – 8)A	289,000
RTI-1314	Thermal relay (7 – 10)A	289,000
RTI-1316	Thermal relay (9 – 13)A	262,000
RTI-1321	Thermal relay (12 – 18)A	262,000
RTI-1322	Thermal relay (17 – 25)A	289,000
RTI-2355	Thermal relay (28 – 36)A	315,000
RTI-3353	Thermal relay (23 – 32)A	505,000
RTI-3355	Thermal relay (30 – 40)A	469,000
RTI-3357	Thermal relay (37 – 50)A	587,000
RTI-3359	Thermal relay (48 – 65)A	617,000
RTI-3361	Thermal relay (55 – 70)A	992,000
RTI-3363	Thermal relay (63 – 80)A	992,000
RTI-3365	Thermal relay (80 – 93)A	992,000
RTI-5369	Thermal relay (55 – 80)A	1,112,000
RTI-5370	Thermal relay (63 – 90)A	1,112,000
RTI-5371	Thermal relay (90 – 120)A	1,609,000
RTI-5375	Thermal relay (120 – 150)A	1,609,000
RTI-5376	Thermal relay (150 – 180)A	2,445,000
RTI-6376	Thermal relay (125 – 200)A	2,751,000





Công tắc tơ điện từ được thiết kế để sử dụng trong mạch điều khiển, dùng cho khởi động và dừng động cơ không đồng bộ ba pha rôto lồng sóc trong các hệ thống điện xoay chiều có điện áp định mức đến 660 V. Ngoài ra, sản phẩm còn thích hợp để đóng cắt các thiết bị điện khác như hệ thống chiếu sáng, hệ thống gia nhiệt và các tải cảm. Công tắc tơ được ứng dụng rộng rãi trong quạt công nghiệp, bơm, lò điện, cầu trục và hệ thống chuyển nguồn tự động (ATS).

Về thiết kế và các đặc tính kỹ thuật, công tắc tơ dòng KMI-A đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế IEC 60947-4-1:2009.

Dòng điện định mức	9 - 95 A
Điện áp cuộn hút	24, 36, 110, 230, 400 V
Số cực	3
Loại tiếp điểm phụ	NO, NC

- Độ bền điện và độ bền cơ khí cao.
- Tương thích với đầy đủ các phụ kiện trong hệ sinh thái sản phẩm của IEK.
- Phạm vi ứng dụng rộng.
- Thiết kế nhỏ gọn.

Product ID	Product Name	Price list
AR-ACC-11-006-230-11	Contactora 3P 6A 230VAC NO-NC	436,000
AR-ACC-11-009-230-11	Contactora 3P 9A 230VAC NO-NC	436,000
AR-ACC-11-012-230-11	Contactora 3P 12A 230VAC NO-NC	515,000
AR-ACC-11-018-230-11	Contactora 3P 18A 230VAC NO-NC	703,000
AR-ACC-21-025-230-11	Contactora 3P 25A 230VAC NO-NC	974,000
AR-ACC-21-032-230-11	Contactora 3P 32A 230VAC NO-NC	1,201,000
AR-ACC-31-040-230-11	Contactora 3P 40A 230VAC NO-NC	2,235,000
AR-ACC-31-050-230-11	Contactora 3P 50A 230VAC NO-NC	2,554,000
AR-ACC-41-065-230-11	Contactora 3P 65A 230VAC NO-NC	3,222,000
AR-ACC-41-080-230-11	Contactora 3P 80A 230VAC NO-NC	3,977,000
AR-ACC-41-095-230-11	Contactora 3P 95A 230VAC NO-NC	4,821,000





Công tắc tơ điện từ dòng KTI được thiết kế để sử dụng trong mạch điều khiển, dùng cho khởi động và dừng động cơ không đồng bộ 3 pha rôto lồng sóc được cấp nguồn từ lưới điện xoay chiều có điện áp định mức đến 660 V. Ngoài ra, sản phẩm còn được sử dụng để đóng cắt các thiết bị điện khác như hệ thống chiếu sáng, thiết bị gia nhiệt và các tải cảm. Công tắc tơ KTI được ứng dụng rộng rãi trong quạt công nghiệp, bơm, lò điện, cầu trục và hệ thống chuyển nguồn tự động (ATS).

Dòng điện định mức	115 - 1000 A
Điện áp cuộn hút	230, 400 V
Số cực	3

Product ID	Product Name	Price list
KKT53-115-230-10	Contactora 3P 115A 230VAC NO	3,216,000
KKT53-150-230-10	Contactora 3P 150A 230VAC NO	3,504,000
KKT53-185-230-10	Contactora 3P 185A 230VAC NO	4,433,000
KKT53-225-230-10	Contactora 3P 225A 230VAC NO	5,384,000
KKT53-265-230-10	Contactora 3P 265A 230VAC NO	6,498,000
KKT53-330-230-10	Contactora 3P 330A 230VAC NO	8,556,000
KKT63-400-230-10	Contactora 3P 400A 230VAC NO	9,298,000
KKT63-500-230-10	Contactora 3P 500A 230VAC NO	12,001,000
KKT73-630-230-10	Contactora 3P 630A 230VAC NO	15,809,000
KKT70-800-230-10-1	Contactora 3P 800A 230VAC NO	20,111,000
KKT80-1000-230-10	Contactora 3P 1000A 230VAC NO	60,296,000





CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KHANG NINH

**Địa chỉ: Lô 81 G3, khu Anh Dũng 7, phường Hưng Đạo, thành phố
Hải Phòng.**

Hotline: 0904 483 639

